

Sự biến mất và tái xuất hiện của trường Nho học trong bối cảnh độc chiếm của trường Pháp-Việt ở Bắc kỳ đầu thế kỷ XX đến năm 1945

Nguyễn Thị Lệ Hà^(*)

Tóm tắt: Trường Nho học¹ đã tồn tại hàng ngàn năm dưới chế độ phong kiến Việt Nam, nhưng ngay khi đang trong quá trình xâm chiếm, thực dân Pháp đã có ý định xóa bỏ, thay bằng trường dạy chữ Pháp, chữ Quốc ngữ để đáp ứng nhu cầu cấp bách xâm lược và cai trị. Chính vì vậy, trường Nho học ở Bắc kỳ từ năm 1906 đến năm 1945 có nhiều thăng trầm cùng những chủ trương, chính sách về giáo dục của Pháp, có lúc bị xóa bỏ, nhưng có lúc lại được tái xuất hiện. Bài viết làm rõ 2 nội dung: (i) trường Nho học ở Bắc kỳ từ khi chính quyền Pháp thực hiện cải cách giáo dục lần thứ nhất năm 1906 đến năm 1919 khi Vua Khải Định phê chuẩn việc bãi bỏ tất cả các trường Nho học; (ii) sự biến mất và tái xuất hiện của trường Nho học trong bối cảnh trường Pháp-Việt chiếm vị trí độc tôn từ năm 1919 đến năm 1945.

Từ khóa: Trường Nho học, Bắc kỳ, Trường Pháp-Việt, Giáo dục, Pháp thuộc, Đầu thế kỷ XX

Abstract: Confucian schools existed for thousands of years under the Vietnamese feudal regime. However, the French colonialists intended to abolish and replace Confucian schools with those teaching French and National languages to meet their urgent needs for invasion and rule. Therefore, the Confucian schools in Tonkin from 1906 to 1945 experienced many ups and downs, abolition and revival under the French educational guidelines and policies. The article clarifies two contents: (i) Confucian schools in Tonkin since the French colonial government implemented the first educational reform in 1906 until 1919 when King Khai Dinh approved the abolition of all Confucian schools; (ii) the retreat and revival of the Confucian schools in the context of the French-Vietnamese schools being made the one and only education from 1919 to 1945.

Keywords: Confucian School, Tonkin, French-Vietnamese School, Education, French Colonialism

Ngày nhận bài: 10/01/2024; Ngày duyệt đăng: 15/03/2024

^(*) TS., Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: nguyenthilehavsh@gmail.com

¹ Trường Nho học là trường nằm trong hệ thống Nho học đã tồn tại ở Việt Nam từ thời Lý và được chính quyền Pháp đưa vào hệ thống giáo dục. Hệ thống này được cải tổ từ năm 1906. Sau năm 1917, Bắc kỳ bãi bỏ hoàn toàn trường Nho học trong hệ thống giáo dục công lập. Trường Nho học chỉ còn ở trường tư, chương trình vẫn dạy chữ Hán, nhưng thêm chữ Quốc ngữ và Toán, Khoa học tự nhiên, Vệ sinh, Lịch sử nhưng ở mức độ cơ bản.

1. Mở đầu

Lịch sử giáo dục Việt Nam thời Pháp thuộc đã được một số nhà nghiên cứu biên soạn và công bố như Vũ Ngọc Khánh, Phan Trọng Báu, Nguyễn Q. Thắng, Nguyễn Đăng Tiến, Trịnh Văn Thảo, Trần Thị Phương Hoa... Hầu hết các công trình đều mô tả quá trình chính quyền Pháp thiết lập hệ thống giáo dục kiểu mới ở Việt Nam, cùng nhiều vấn đề liên quan đến giáo dục như chính sách, đầu tư, chương trình giảng dạy, giáo viên, hệ thống trường lớp... Trong các công trình đã xuất bản về giáo dục cận đại đều có đề cập đến nền giáo dục Nho học ở các khía cạnh, mức độ khác nhau. Trên cơ sở có tiếp thu những kết quả nghiên cứu đi trước, bài viết tìm hiểu về sự tồn tại, biến mất và tái xuất hiện của trường Nho học ở Bắc kỳ đặt trong bối cảnh trường Pháp-Việt chiếm vị trí độc tôn từ đầu thế kỷ XX đến năm 1945.

2. Vài nét về trường Nho học ở Bắc kỳ từ năm 1906 đến năm 1919

Năm 1903, Toàn quyền Paul Beau ban hành nghị định thành lập “Hội đồng nghiên cứu cải cách giáo dục”. Năm 1906, cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất bắt đầu. Cuộc cải cách này chủ yếu được tiến hành ở Bắc kỳ, Trung kỳ - những vùng nền giáo dục Nho giáo còn phổ biến và các trường Pháp-Việt chưa được tổ chức hoàn chỉnh.

Để thực thi Nghị định cải cách giáo dục của Toàn quyền P. Beau, Thống sứ Bắc kỳ ban hành Nghị định số 1551^{bis} ngày 16/11/1906 về tái cơ cấu hệ giáo dục bản xứ. “Nghị định quy định hệ giáo dục bản xứ tại Bắc kỳ gồm 3 bậc: Ấu học, Tiểu học và Trung học. Chương trình giáo dục ở bậc Ấu học do các xã đảm nhiệm còn bậc Tiểu học và Trung học do Nhà nước phụ trách”¹.

Như vậy, thực thi Nghị định số 1551^{bis}, với việc chia hệ giáo dục bản xứ làm 3 bậc học, Pháp đã chính thức “tấn công” vào các trường Nho học ở làng xã. Tuy chính quyền Pháp kiểm soát chương trình giảng dạy chữ Hán dựa trên giáo trình riêng và phải được Hội đồng hoàn thiện giáo dục bản xứ phê chuẩn, nhưng số lượng học sinh học tại trường Nho học vẫn đông hơn trường Pháp-Việt. Năm 1908, ở Bắc kỳ và Trung kỳ có 239 quan học chính (đốc học, giáo thụ, huấn đạo) giảng dạy cho 9.738 học sinh trong các trường Nho học nhà nước (Ấu học, Tiểu học, Trung học). Trong khi đó, ở các trường Pháp-Việt có 123 thầy giáo với 5.000 học sinh (Trần Thị Phương Hoa, 2018: 54). Số lượng trường Nho học ở làng xã đã được chính người Pháp thừa nhận vào năm 1908: “Mặc dù khó có thể có con số thống kê chính thức số lượng trường học ở làng, chúng ta có thể ước lượng con số là 15.000 trường với 200.000 học sinh ở Bắc kỳ và Trung kỳ”². Như vậy, có thể suy ra số lượng học sinh trường Nho học ở Bắc kỳ lớn hơn 100.000, trong khi đó trường Pháp-Việt ở Bắc kỳ năm 1910 là 43 trường với 5.123 học sinh (Trần Thị Phương Hoa, 2012: 51). Điều này cho thấy, trường Nho học chiếm áp đảo so với trường Pháp-Việt vào đầu thế kỷ XX.

Có thể nói, cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất của Toàn quyền P. Beau đối với trường Nho học ở Bắc kỳ đã không mang lại kết quả như chính quyền Pháp mong muốn. Vì lúc này hệ thống trường Nho học vẫn còn mạnh, hầu hết các làng đều có trường. Sau 3 năm tiến hành cải cách, Toàn quyền Antony Klobukowski phải thừa nhận: *Ở Trung và Bắc kỳ sự can thiệp của chúng ta rất khó khăn (...) trong các*

¹ Xem: Arrêté N° 1555^{bis} du 16 novembre 1906 du Résident supérieur au Tonkin réorganisant l'enseignement indigène (Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I, Hà Nội. Ký hiệu RHD-375, p. 2-8).

² *La Dépêche Coloniale*, ngày 15/5/1908, Paris.

tinh của vương quốc An Nam cũ đã có một tổ chức (giáo dục) rất xưa cũ do tầng lớp văn thân điều khiển tỏ ra chống lại ý đồ của chúng ta (Xem: Klobukowski, 1909).

Năm 1914, theo báo cáo của Nha học chính, lần đầu tiên quá trình hiện đại hóa chương trình giảng dạy đã được thực hiện, đánh dấu mối quan hệ xích lại gần nhau giữa trường Nho học với trường Pháp-Việt. Theo chương trình giảng dạy, ở các trường Ấu học, Tiểu học và Trung học của trường Nho học, chương trình cổ điển là phần chữ Hán, có chương trình hiện đại là chữ Pháp (lấy trong sách giáo khoa của trường Pháp-Việt), chữ Quốc ngữ. Học sinh sau khi học xong trường Ấu học không nhất thiết phải theo học Tiểu học và Trung học để đi thi hương mà còn có thể học trường Tiểu học Pháp-Việt để thi vào các trường trung học Pháp-Việt.

Chính vì thế đến năm 1916 - năm cuối của cuộc cải cách lần thứ nhất, số lượng trường và học sinh giữa trường Pháp-Việt và trường Nho học đã có sự chênh lệch rõ rệt. Trường Pháp-Việt có 785 trường và 49.461 học sinh. Trường Nho học có 837 trường và 19.014 học sinh (Hội đồng Chính phủ, 1916: 15). Đây có thể coi là tiền đề khiến chính quyền Pháp quyết định cải cách giáo dục lần thứ hai vào năm 1917 khi chuyển toàn bộ trường Nho học vào hệ thống trường Pháp-Việt.

Tóm lại, giai đoạn hơn 10 năm từ 1906 đến năm 1917 là một khoảng thời gian đầy biến động đối với giáo dục ở Bắc kỳ khi cuộc cải cách trường học chữ Nho và thi cử Nho học diễn ra quyết liệt, dẫn tới kết quả cuối cùng là thi cử Nho học bị bãi bỏ vào năm 1915. Chính quyền thuộc địa mong muốn xóa bỏ hoàn toàn trường Nho học ở Bắc kỳ nói riêng và cả nước nói chung, chỉ còn lại duy nhất trường Pháp-Việt nên đã quyết định cải cách giáo dục lần thứ hai.

3. Sự biến mất và tái xuất hiện của trường Nho học trong bối cảnh trường Pháp-Việt chiếm vị trí độc tôn từ năm 1919 đến năm 1945

Ngày 21/12/1917, Toàn quyền Albert Sarraut đã ban hành “Học chính tổng quy”, quy định về trường lớp, cơ cấu tổ chức các loại trường, chương trình học, giáo viên... Theo văn bản này, hệ thống giáo dục Nho học bị xóa bỏ, chỉ còn duy nhất nền giáo dục Pháp-Việt.

Nhưng các trường Nho học chính thức bị cáo chung ở làng xã thì phải đến ngày 14/7/1919, khi Vua Khải Định phê chuẩn việc bãi bỏ tất cả các trường Nho học và giao lại việc học cho chính quyền Pháp quản lý, bằng một hệ thống trường Pháp-Việt. Nền giáo dục Việt Nam được đặt dưới quyền Nha học chính Đông Pháp. Tất cả các loại trường Nho học từ cấp Ấu học, Tiểu học, Trung học đều bị bãi bỏ.

Các trường Ấu học (cấp 1) và Tiểu học (cấp 2) chuyển đổi thành trường dự bị (trường làng hoặc trường tổng¹) hoặc trường Sơ học nhà nước; các trường Trung học (cấp 3) chuyển thành trường Tiểu học kiêm bị (trường có 5 lớp). Sau khi chuyển đổi, đa phần các trường làng chỉ có từ 1 đến 2 lớp học nên còn được gọi là trường dự bị (préparatoire).

Chiếm tỷ lệ cao nhất trong hệ thống các trường Pháp-Việt giai đoạn này là trường Sơ học. Trường Sơ học thường đặt ở Tổng. Trước năm 1918, đây là trường Ấu học do tổng sư² đảm nhiệm. Sau cải cách giáo dục năm 1917, trường này chuyển thành trường Sơ học trong hệ thống Pháp-Việt. Một số trường được bố trí giáo viên mới, nhưng đa phần các trường vẫn do tổng sư giảng

¹ Hệ thống tổ chức chính quyền ở Việt Nam: Ở Nam kỳ: tỉnh - tổng - xã. Ở Bắc kỳ và Trung kỳ: tỉnh - huyện/phủ - tổng - xã.

² Người dạy học ở trường hàng tổng.

Số trường Pháp-Việt công lập ở Bắc kỳ (1918-1930)

Năm	1918	1919	1920	1921	1922	1923	1924	1925	1926	1927	1928	1929	1930
Trường sơ học nhà nước ¹	1.133	1.050	1.051	1.004	1.030	1.048	1.069	1.125	1.189	1.119	1.181	1.165	1.141
Trường sơ học hương thôn ²	-	-	-	-	-	-	-	-	-	81	627	818	853

1. Các trường Tổng trong giáo dục bản xứ truyền thống chuyển thành các trường sơ học nhà nước

2. Các trường này được thành lập theo nghị định ngày 02/12/1926 và ngày 27/12/1926.

Nguồn: Direction de L'instruction publique, 1931: 96.

dạy. Tổng sư không được đào tạo trong nhà trường Pháp-Việt mà chỉ có bằng cấp từ các kỳ thi Nho giáo (tú tài, những người đỗ nhất, nhì các kỳ thi Hương), sau đó được bồi dưỡng khóa sư phạm ngắn hạn. Chủ trương của Nha học chính là loại bỏ dần những tổng sư này và thay bằng các giáo viên được đào tạo từ trường Pháp-Việt.

Như vậy, từ cải cách giáo dục lần thứ hai năm 1917 đến năm 1919, trường Nho học đã bị xóa bỏ khỏi hệ thống giáo dục Việt Nam. Nhưng từ năm 1921 ở Bắc kỳ, chương trình cải lương hương chính của chính quyền Pháp đã có điều khoản yêu cầu các làng xã phải thành lập trường học cho trẻ em từ 6 tuổi. Trong những bản hương ước cải lương đều có mục “Sự học hành và giáo dục” đều có điều khoản: “Bổn phận cha mẹ phải cho con đi học và khi làng có đủ tiền mà làm nhà trường thì phải làm trường ở làng cho trẻ con đến học”. Ở các trường làng, giáo viên cố gắng “dạy trẻ con viết và đọc quốc ngữ, dạy về toán pháp, dạy vệ sinh, lại biết thêm đôi chút tiếng Pháp nữa” (Cucherousset, 1924: 28). Ngoài ra, việc mở lại trường Nho học còn là để “đối phó với những bất mãn có thể xảy ra trong nhân dân khi hàng loạt trường chữ Hán ở các thôn xóm phải nghỉ học sau khi chủ trương cải cách giáo dục được ban hành” (Phan Trọng Báu, 2006: 97). Điều này đã phần nào làm sống lại trường Nho

học ở làng xã. Đặc biệt từ năm 1923 đến năm 1925, khi Martial Henri Merlin nhậm chức Toàn quyền thay cho Maurice Long, đã chủ trương phát triển giáo dục “theo chiều ngang”, chuyển trọng tâm sang bậc tiểu học, mở rộng giáo dục ở làng xã. Nhờ đó, ở nhiều làng xã, phủ/huyện, tỉnh ở Bắc kỳ trường Nho học đã chính thức được mở lại nhiều.

Tiếp thu chủ trương của Merlin, Toàn quyền Alexandre Varenne đã ra Nghị định ngày 02/12/1926 “*về việc thành lập một trường sơ đẳng mới, quan hệ chặt chẽ với truyền thống của dân và ăn nhập với khuôn khổ đời sống làng xã An Nam*”¹. Sau đó, Varenne đã tiến hành những điều chỉnh mới nhằm phát triển thêm một số lượng trường học, đưa trường học đến nông thôn, làng xã. Một loạt trường học công kiểu mới được tổ chức gọi là “*trường Sơ học hương thôn*” (Écoles élémentaire communales) hay là “*Sơ học bản xứ*”. Theo Nghị định này, các làng bắt buộc phải mở trường học, lấy từ kinh phí hoạt động của làng do người dân đóng góp. Làng tự thuê thầy giáo, điều kiện là phải có bằng tiểu học Pháp-Việt trở lên và trên 18 tuổi. Nha học chính chỉ chịu

¹ Xem: “Exposition Coloniale Internationale Paris 1931 Direction générale de L’Instruction publique- La penetration scolaire dans: les pays annamites” (Dẫn theo: Nguyễn Danh Phiệt, 1990: 297).

trách nhiệm chỉ đạo phân chuyên môn. Chính quyền Pháp khuyến khích mở loại trường này, vì một mặt nó đáp ứng được yêu cầu ham học hỏi của người dân, mặt khác Nhà nước bảo hộ không phải cung cấp kinh phí hoạt động.

Trên thực tế, việc mỗi làng có một trường học kiểu này là tương đối dễ dàng do nơi học có thể được tổ chức trong đình, chùa, miếu. Giáo viên thường là những người đã thi đỗ trong các kỳ thi Nho học hoặc đã qua trường Pháp-Việt chỉ cần làm tờ cam đoan tuân theo luật lệ của làng xã trong việc dạy học là có thể dự tuyển. “Chi phí về việc học và lương thầy giáo trích 5% tiền ngoại phụ thuế đình điền mà Nhà nước giảm cho thu cùng sưu thuế để phát lương cho thầy giáo”¹. Một số nơi còn dành riêng ruộng đất để cấy cấy lấy hoa lợi trả cho thầy giáo, gọi là “ruộng khuyến học”. Ở Trường Pháp-Việt, giáo viên ăn lương của Nhà nước, làng không phải trả “Xã ta có trường học Pháp-Việt, có thầy giáo dạy mà lại ăn lương nhà nước, thì thật tiện lợi cho làng”². Hằng năm cứ vào dịp hè, cơ quan Học chính tỉnh tập trung giáo viên về tỉnh lỵ để bồi dưỡng nghiệp vụ.

Kể từ khi Nghị định được ban hành, số lượng trường Sơ học hương thôn phát triển với tốc độ cao. Ở Bắc kỳ, trong vòng 3 năm đã tăng hơn 10 lần (năm 1927 có 81 trường, đến năm 1930 tăng lên 853 trường, số lớp học từ 86 tăng lên 873, trung bình mỗi lớp từ 28 tăng lên 31 học sinh) (Trần Thị Phương Hoa, 2012: 161). Vì trường được mở tại làng xã nên số lượng học sinh nữ cũng tăng lên từ 965 học sinh năm học 1928-1929 đến năm học 1929-1930 là 1.322 học sinh (Direction de l'instruction publique, 1931: 10).

Năm 1932, sau khi lên ngôi, Vua Bảo Đại đã đề xướng một số cải cách nhằm đưa Bắc kỳ và Trung kỳ trở về chế độ bảo hộ theo Hiệp ước 1884. Tháng 10/1932, Bộ Học được thành lập do Phạm Quỳnh làm Thượng thư, gọi là Bộ Quốc dân giáo dục, việc quản lý giáo dục sơ học trao cho triều đình Huế đảm nhiệm. Giáo dục đạo đức, đặc biệt là đạo đức Nho giáo được chú trọng. Theo Nghị định của Toàn quyền ngày 16/8/1932, các trường hương thôn nắm quyền tự chủ về ngân sách, tuyển chọn giáo viên và chương trình giảng dạy. Ở các bậc học cao hơn (từ tiểu học trở lên), Pháp vẫn nắm quyền chi phối.

Sau Nghị định năm 1932, các trường Nho học được mở lại ở nhiều nơi. Bên cạnh đó, còn có những lớp học gia đình cũng là một loại trường tư tổ chức theo kiểu trường Nho học xưa. Loại trường này tồn tại ở nông thôn nhiều hơn, thường là một gia đình khá giả nuôi thầy cho một số con em đến học. Theo thống kê, năm 1939-1940, ở Bắc kỳ và Trung kỳ có 1.000 lớp học gia đình với 14.180 học sinh (Phan Trọng Báu, 2006: 185). Sự tồn tại của loại hình trường lớp này có hai nguyên nhân. *Một là*, phân đông nông dân có cuộc sống khó khăn nên không thể cho con em theo học tại các trường công; song, tâm lý lưu luyến với chữ Hán, cố cho con “học được vài chữ của thánh hiền” vẫn còn khá sâu đậm trong một bộ phận đông đảo cư dân nông thôn, nên vẫn có nhiều gia đình, nhất là các gia đình nghèo, không đủ tiền cho con học các trường công tiếp tục cho con theo học các lớp học tư của các thầy đồ. *Hai là*, một số người đã đỗ các bậc khác nhau của trường Pháp-Việt mà không có điều kiện học lên hoặc đi làm công chức, viên chức. Họ lấy việc “gỗ đầu trẻ” làm nghề kiếm sống. Nội dung kiến thức họ truyền đạt cho học trò về cơ bản vẫn tuân thủ chương trình

¹ Điều 41. Hương ước xã Thanh Trì, tổng Thanh Trì, huyện Thanh Trì.

² Điều 77. Hương ước làng Thanh Liệt, tổng Thanh Liệt, huyện Thanh Trì.

học do người Pháp đề ra cho loại trường tư của làng, song nhìn chung bị cắt xén. Tiền lương của thầy do phụ huynh học sinh đóng góp bằng cách góp tiền để mua ruộng nuôi các thầy, gọi là *ruộng môn sinh*. Sở ruộng này tồn tại đến cải cách ruộng đất mới bị xóa bỏ.

Như vậy, việc chính quyền Pháp chủ trương mở một loại trường công kiếu mới gọi là “*trường sơ học hương thôn*” hay là “*sơ học bản xứ*” đã làm cho các trường Nho học tái xuất hiện với số lượng tương đối nhiều ở làng xã sau thời gian bị xóa bỏ.

Tuy nhiên, các trường sơ học hương thôn cũng còn nhiều hạn chế về khả năng sư phạm và trình độ giáo viên. Vì các thầy giáo làng hầu như không biết chữ Pháp, chỉ dạy một ít chữ Hán và chữ Quốc ngữ, mà các sách chữ Hán không có quy tắc nhất định, còn dạy chữ Quốc ngữ cũng chỉ “dạy qua loa cho biết đọc biết viết”¹. Cho nên, sau rất nhiều cố gắng khuyến khích mở trường *sơ học hương thôn* tại các làng xã nhưng cũng chỉ đào tạo được rất ít người “tân học” với một trình độ không quá bậc “sơ đẳng tiểu học”.

Năm 1933, Toàn quyền ban hành Nghị định về cải cách giáo dục, trong đó quy định chương trình cho học sinh trường hương thôn với nội dung giản lược hơn rất nhiều so với quy định của Học chính Tổng quy. Ở các trường công, học trò có một tiếng rưỡi học chữ Hán một tuần. Ở Trung kỳ, gần như tất cả các trường sơ học đều duy trì việc học chữ Hán với số giờ nhiều hơn Bắc kỳ và Nam kỳ. Tuy nhiên, vào cuối những năm 1930, trong bối cảnh nền học Pháp-Việt chiếm vị trí độc tôn, trong đó chữ Quốc ngữ phổ biến ở bậc sơ học (3 lớp đầu tiểu học) và chữ Pháp phổ biến ở

lớp nhì, thì học chữ Hán trở nên trì trệ, học sinh ít muốn học môn này, đặc biệt ở Bắc kỳ và Nam kỳ.

Năm 1937, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định bãi bỏ hoàn toàn môn học chữ Hán trong trường sơ học. Nhưng đến năm 1940, sau khi Pétain lên nắm chính quyền ở Pháp, đã đề xướng cuộc “Cách mạng quốc gia” nhằm “xây dựng một đất nước có cội nguồn rất Pháp” thì ở Đông Dương chính quyền Pháp cũng chủ trương phục hưng những giá trị cổ truyền nên họ có chú ý hơn đến môn Hán học, tổ chức ban *Cổ điển Viễn Đông*. Năm 1941, Nha Học chính và Bộ Quốc gia giáo dục của triều Nguyễn (Thượng thư Phạm Quỳnh) bàn việc đưa nền học cổ điển quay trở lại. Theo ý kiến của Thượng thư Phạm Quỳnh, Tây học đem lại nhiều lợi ích cho dân nhưng cũng mang đến “cái độc dân chủ”, là “di hại cho loài người”. Những giá trị cốt lõi của đạo Khổng với chữ hiếu, chữ trung cần phải được bảo tồn. Chính vì thế, từ năm 1942 việc học chữ Hán được tái xuất hiện, đặc biệt trong các trường tư ở làng xã. Năm 1944, số trường sơ học hương thôn là 5.219 trường (trên tổng số 6.367 trường công, chiếm 82%) (Xem: Trần Thị Phương Hoa, 2012: 217). Các trường sơ học làng xã hoạt động nhờ ngân sách của làng xã, tuy nhiên trình độ giáo viên còn hạn chế do đa phần chỉ cần tốt nghiệp tiểu học (6 năm), có chứng chỉ sư phạm (từ 6 tháng đến 1 năm). Thậm chí, nhiều trường chấp nhận giáo viên chỉ qua sơ học (3 năm) hoặc các thầy chữ Nho (tổng sư) biết chữ Quốc ngữ.

Tính đến năm 1945, giáo dục khoa cử ở Bắc kỳ đã chính thức bị xóa bỏ được 30 năm (từ năm 1915), nhưng chữ Hán vẫn còn được sử dụng trong văn tế, văn khấn, câu đối,... vào những dịp hiếu hỉ, khao vọng... Trong làng, xã người ta thấy chữ Hán ngự

¹ Xem: Hà thành ngọc báo, “Mấy điều quan thiết về việc học ở hương thôn ngày nay”, ngày 16/6/1928.

trị ngay ở công làng, trong đình, chùa làng và trong gia đình các hoành phi, câu đối... đều được in bằng chữ Hán. Mặc dù trường Pháp-Việt của chính quyền Pháp đã chiếm địa vị thống trị trong xã hội, nhưng cái tâm lý “học dăm ba chữ để làm người” (chữ Hán) vẫn tồn tại trong làng xã. Do đó, mặc dù chính quyền cai trị đã xóa bỏ trường Nho học trong hệ thống giáo dục, chỉ còn duy nhất trường Pháp-Việt nhưng chữ Hán vẫn được dạy một cách kín đáo trong các trường làng và được đông đảo nhân dân theo học.

4. Kết luận

Với cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất năm 1906, trường Nho học ở Bắc kỳ được thành lập nhiều. Với cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai năm 1917 của Toàn quyền Albert Sarraut cùng với Dụ ngày 14/7/1919 của Vua Khải Định, trường Nho học đã chính thức bị xóa bỏ hoàn toàn. Từ cuối năm 1919 đến cuối năm 1920, các trường Nho học phải chuyển sang trường Pháp-Việt. Chính quyền Pháp sau đó tỏ ra mềm dẻo hơn, từ “đồng hóa” chuyển sang “cộng tác” nhưng không từ bỏ ý đồ chiếm giáo dục. Năm 1923, chương trình phát triển giáo dục theo chiều ngang, đặc biệt năm 1926, chính quyền Pháp chủ trương mở một loại trường công kiểu mới gọi là “trường sơ học hương thôn” hay là “sơ học bản xứ” thì trường Nho học ở làng xã lại tái xuất hiện trở lại, mặc dù lúc này trường Pháp-Việt vẫn đang chiếm vị trí độc tôn trong hệ thống giáo dục ở Việt Nam. Nhưng đến năm 1937, chữ Hán lại một lần nữa bị xóa bỏ khỏi chương trình sơ học công lập, chỉ còn duy trì dạy ở các trường tư. Tuy nhiên, năm 1940, do hoàn cảnh thế giới có những thay đổi, chữ Hán lại được tái xuất hiện trong chương trình dạy tại các trường sơ học, đặc biệt từ năm 1941-1944 chữ Hán được dạy nhiều tại các trường tư ở làng xã.

Tóm lại, trong bối cảnh trường Pháp-Việt chiếm vị trí độc tôn, còn trường Nho học khi thì khuyến khích thành lập, lúc lại xóa bỏ hoàn toàn, sau đó lại tạo điều kiện cho tái xuất hiện, có thể thấy sự lúng túng trong việc ban hành các chính sách về giáo dục của chính quyền Pháp ở Bắc kỳ nói riêng và cả nước nói chung từ cải cách giáo dục lần thứ nhất năm 1906 đến năm 1945. Một trong những nguyên nhân khiến chính quyền Pháp e ngại và tìm mọi cách để kiểm soát, hạn chế, đi đến tuyên bố thủ tiêu trường Nho học là việc trường Nho học đã đào tạo được rất nhiều nhà Nho yêu nước, hầu hết các thủ lĩnh của các phong trào đấu tranh cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX đều là những nhà Nho được đào tạo theo mô hình trường Nho học. Còn trường Pháp-Việt tuy chương trình học phong phú hơn, cập nhật những kiến thức mới, học xong dễ hòa nhập được vào xã hội nhưng để theo học chi phí tốn kém, chỉ những gia đình khá giả mới có thể cho con em theo học, càng lên lớp trên học phí càng đắt đỏ nên số lượng học sinh theo học trường Pháp-Việt không nhiều. Do đó, trường Nho học ở làng xã vẫn được nhiều học sinh lựa chọn □

Tài liệu tham khảo

1. “Arrêté instituant, dans chaque pays de l’Indochine, une comité local de perfectionnement de l’Enseignement indigène (du 16 mai 1906)”, *Bulletin officiel de l’Indochine française*, 1906.
2. Cucherausset, Henri (1924), *Xứ Bắc kỳ ngày nay*, Trần Văn Quang dịch, Hà Nội.
3. Direction de l’instruction publique (1931), *La pénétration scolaire dans les pays annamites (Tonkin-Annam-Cochinchine)*, Hanoi.

(xem tiếp trang 60)